

**CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG THẾ GIỚI CỦA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỆ THỐNG THẾ GIỚI CỦA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: WORLD DOOR SYSTEM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108058855

3. Ngày thành lập: 14/11/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 115 ngõ 107 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
2.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
3.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
5.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
6.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
7.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
8.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
9.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
11.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
12.	Cho thuê xe có động cơ	7710
13.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
15.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
16.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
17.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395

18.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
21.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
23.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
25.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
26.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
27.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
28.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
29.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
30.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
31.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
32.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
33.	Bán buôn đồ uống	4633
34.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
35.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác chưa được phân vào đâu: cửa	4649(Chính)

36.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim	4663
37.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác còn lại chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
40.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
41.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
42.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
43.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
44.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
45.	Bốc xếp hàng hóa	5224
46.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521

47.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
48.	Quảng cáo	7310
49.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
50.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
51.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
52.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
53.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
54.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
55.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
56.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
57.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
58.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
59.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
60.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
61.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
62.	Lập trình máy vi tính	6201
63.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
64.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
65.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
66.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
67.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
68.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
69.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
70.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
71.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
72.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
73.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
74.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
75.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
76.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
77.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
78.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
79.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
80.	Sửa chữa thiết bị khác	3319

81.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
82.	Tái chế phế liệu	3830
83.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
84.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
85.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
86.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
87.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
88.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
89.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
90.	Xây dựng công trình công ích	4220
91.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
92.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
93.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
94.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ THANH BÌNH	Số 15, tổ 107, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	013104987	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000		
2	LÊ THỊ BÍCH LIÊN	Tổ 35, Phường Ngọc Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	10,000	013333647	
			Tổng số	50.000	500.000.000	10,000		
3	LÊ VĂN HÒA	thôn chùa chợ, Xã Thượng Trưng, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	10,000	135798932	
			Tổng số	30.000	300.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THANH BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/06/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013104987

Ngày cấp: 22/08/2008

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15, tổ 107, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: số 22, tổ 18 đường khương thượng, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội